ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH – TNHH MTV

MST: 0301151147

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH – TNHH MTV

CÔNG TY MẸ
QUÝ I NĂM 2021

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH 1TV
27 NGUYỄN TRUNG TRỰC, P. BẾN THÀNH, Q.1, TP.HCM

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/03/2021

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.217.549.085.488**	**1.217.500.725.341**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**723.604.389.978**	**43.438.633.458**
1. Tiền	111		9.604.389.978	5.438.633.458
2. Các khoản tương đương tiền	112		714.000.000.000	38.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**315.511.094.615**	**1.037.511.094.615**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		321.603.674.615	321.603.674.615
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(6.092.580.000)	(6.092.580.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	722.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**144.120.173.743**	**103.645.266.390**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		10.154.600.587	8.030.314.583
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		45.732.523.691	11.539.007.016
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		89.653.754.010	85.496.649.336
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.420.704.545)	(1.420.704.545)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**1.258.580.251**	**1.173.105.040**
1. Hàng tồn kho	141		1.258.580.251	1.173.105.040
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**33.054.846.901**	**31.732.625.838**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.925.819.674	6.711.814.370
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		25.129.027.227	25.020.811.468
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**2.075.987.842.477**	**2.049.338.669.203**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**19.555.600.000**	**19.555.600.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216		19.555.600.000	19.555.600.000
II. Tài sản cố định	**220**		**14.959.813.650**	**15.068.191.743**
1. Tài sản cố định hữu hình	221		12.590.130.486	12.647.092.341
- Nguyên giá	222		47.773.742.738	47.286.442.738
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(35.183.612.252)	(34.639.350.397)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
2. Tài sản cố định vô hình	227		2.369.683.164	2.421.099.402
- Nguyên giá	228		5.171.487.978	5.171.487.978
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.801.804.814)	(2.750.388.576)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**18.618.585.199**	**18.736.459.204**
- Nguyên giá	231		65.087.999.950	65.087.999.950
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(46.469.414.751)	(46.351.540.746)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**854.685.241.486**	**827.534.214.782**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		143.008.839.975	142.906.536.975
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		711.676.401.511	684.627.677.807
- TK 2412				
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**1.163.667.503.845**	**1.163.667.503.845**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.197.609.509.866	1.197.609.509.866
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		67.357.026.000	67.357.026.000

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(101.299.032.021)	(101.299.032.021)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**4.501.098.297**	**4.776.699.629**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.776.404.862	2.052.006.194
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.724.693.435	2.724.693.435
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**3.293.536.927.965**	**3.266.839.394.544**
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**948.072.800.559**	**958.827.200.645**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**274.819.929.632**	**285.413.512.535**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		14.227.368.127	10.869.168.808
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		146.018.606	312.323.577
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		-	13.218.627.095
4. Phải trả người lao động	314		8.173.377.912	7.385.251.623
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		31.200.202.776	30.562.593.223
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		6.009.600.409	6.383.501.100
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		206.881.453.459	206.980.147.670
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		4.287.113.875	4.287.113.875
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.894.794.468	5.414.785.564
II. Nợ dài hạn	**330**		**673.252.870.927**	**673.413.688.110**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		6.287.473.228	6.287.473.228
2. Phải trả dài hạn khác	337		657.001.652.839	656.841.421.839
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		9.963.744.860	10.284.793.043
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**2.345.464.127.406**	**2.308.012.193.899**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**2.345.464.127.406**	**2.308.012.193.899**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.936.407.000.000	1.936.407.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		58.428.968.593	58.428.968.593
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		235.864.002.869	235.864.002.869
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		114.764.155.944	77.312.222.437
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		77.312.222.437	45.592.936.313
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37.451.933.507	31.719.286.124
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**			-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**3.293.536.927.965**	**3.266.839.394.544**

Ngày 10 tháng 05 năm 2021

Llập biểu / Kế toán trưởng
(Ký, Họ tên)

Ngô Hòa

Tổng giám Đốc
(Ký, Họ tên)

M.S.D.N: 0301151147 - C.T.T.N.H.H
TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Hoàng Tâm Hòa

TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH 1TV
27 NGUYỄN TRUNG TRỰC, P. BẾN THÀNH, Q1, TPHCM

Mẫu số B 02-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Trong kỳ		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm Trước	Năm nay	Năm Trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	28.066.308.498	20.460.283.430	28.066.308.498	20.460.283.430
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			500.000		500.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		28.066.308.498	20.459.783.430	28.066.308.498	20.459.783.430
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	21.582.398.913	14.047.523.728	21.582.398.913	14.047.523.728
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.483.909.585	6.412.259.702	6.483.909.585	6.412.259.702
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	41.211.899.859	52.110.900.492	41.211.899.859	52.110.900.492
7. Chi phí tài chính	22	VI.5		974.402		974.402
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	427.863.767	806.764.882	427.863.767	806.764.882
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	10.717.904.909	11.419.137.960	10.717.904.909	11.419.137.960
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		36.550.040.768	46.296.282.950	36.550.040.768	46.296.282.950
11. Thu nhập khác	31	VI.6	901.901.136	730.642.774	901.901.136	730.642.774
12. Chi phí khác	32	VI.7	8.397	28.794	8.397	28.794
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		901.892.739	730.613.980	901.892.739	730.613.980
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		37.451.933.507	47.026.896.930	37.451.933.507	47.026.896.930
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		37.451.933.507	47.026.896.930	37.451.933.507	47.026.896.930
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Ngày 10 tháng 05 năm 2021

Lập biểu / Kế toán trưởng

Ngô Hòa

Tổng Giám Đốc

M.S.D.N: 0301151147 - C.T.T.N.H.H
TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Hoàng Tâm Hòa

TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH 1TV
27 NGUYỄN TRUNG TRỰC, P. BẾN THÀNH, Q1, TPHCM

Mẫu số B 03-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 01 năm 2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế			**37.451.933.507**	**47.026.896.930**
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		598.390.115	572.619.803
- Các khoản dự phòng	03			-
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(41.211.899.859)	(52.110.900.492)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07			-
			-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**(3.161.576.237)**	**(4.511.383.759)**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(41.797.128.416)	(4.420.799.492)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(85.475.211)	(26.914.676.436)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		2.352.957.924	(1.675.183.747)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		275.601.332	199.951.015
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			-
- Tiền lãi vay đã trả	14			-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.686.818.821)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			5.131.018.072
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17			(1.635.100.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(44.102.439.429)**	**(33.826.175.346)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(27.638.326.704)	(11.026.140.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bánTSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(27.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		722.000.000.000	24.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.211.899.859	54.711.690.805
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**735.573.573.155**	**40.685.550.532**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			-	-
			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.305.377.206)	(13.489.092.159)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(11.305.377.206)**	**(13.489.092.159)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**680.165.756.520**	**(6.629.716.973)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**43.438.633.458**	**65.366.824.780**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	**61**			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**		**723.604.389.978**	**58.737.107.807**

TP.HCM, ngày 10 tháng 05 năm 2021

Lập biểu / Kế toán trưởng
(Ký, Họ tên)

Ngô Hòa

Tổng giám đốc
(Ký, Họ tên)

M.S.D.N: 0301151147 - C.T.T.N.H.H
TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Hoàng Tâm Hòa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Quý 1 năm 2021

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn : Doanh nghiệp nhà nước.
2. Lĩnh vực kinh doanh : Đầu tư – Thương mại – Sản xuất – Dịch vụ.
3. Ngành nghề kinh doanh : Đầu tư tài chính, đầu tư bất động sản, cho thuê cơ sở hạ tầng, dịch vụ, thương mại.
4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: đầu tư tài chính, kinh doanh cho thuê hạ tầng, mua bán xe ô tô và sửa chữa xe.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam(VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng: *Theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.*
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Tổng Công ty Bến Thành tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để soạn thảo và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc vào ngày 31/03/2021.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng:

Tổng công ty Bến Thành trình bày và lập Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính năm thống nhất theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

V. Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ:

1. Một số ảnh hưởng trên bảng cân đối kế toán:

1.1. Các khoản đầu tư dài hạn:

Đvt: đồng

Tên công ty	Đầu quý	Tăng	Giảm	Cuối quý	Tỷ lệ
- Đầu tư vào công ty liên kết	**908.839.046.361**	-	-	**908.839.046.361**	
CTy CP SXKD hàng xuất khẩu Tân Bình	8.890.420.000	-	-	8.890.420.000	49,39%
Cty CP XNK Giày Dép Nam Á	5.884.200.000	-	-	5.884.200.000	49,04%
Cty CP Dịch vụ du lịch Bến Thành	122.500.000.000	-	-	122.500.000.000	49,07%
Cty CP Phát Triển và Dịch vụ Nhà Bến Thành	39.200.000.000	-	-	39.200.000.000	49,00%
Cty CP VHTH Bến Thành	16.830.000.000	-	-	16.830.000.000	48,57%
Cty CP Dịch Vụ Bến Thành	14.835.620.500	-	-	14.835.620.500	47,11%
Cty CP Thương mại dịch vụ Bến Thành	69.161.453.251	-	-	69.161.453.251	41,39%
Cty CP Đầu tư xây dựng kinh doanh nhà Bến Thành	19.227.000.000	-	-	19.227.000.000	41,08%
Cty CP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	199.358.524.042	-	-	199.358.524.042	40,81%
Công ty CP Du lịch Huế	27.417.820.000	-	-	27.417.820.000	39,32%
Cty TNHH Nhà hàng Câu lạc bộ Maxim's	1.750.000.000	-	-	1.750.000.000	35,00%
Cty CP Bến Thành Mũi Né	50.256.000.000	-	-	50.256.000.000	35,00%
Cty CP Vật Tư Bến Thành	6.762.600.000	-	-	6.762.600.000	33,81%
Cty Cổ phần DL KS Saigon Mũi né	12.240.000.000	-	-	12.240.000.000	34,00%
Cty CP Du lịch Bến Thành - Non Nước	48.610.000.000	-	-	48.610.000.000	30,90%
Công Ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận	28.917.000.000	-	-	28.917.000.000	30,60%
Cty CP SX & TM XNK Như Ngọc	7.957.890.000	-	-	7.957.890.000	30,03%
Cty CP Công Nghiệp và TM Lidovit	17.513.160.000	-	-	17.513.160.000	29,80%
Công ty TNHH Bến Thành Sao Thủy	146.720.000.000	-	-	146.720.000.000	28,00%
Cty CP Thương Mại Hóc Môn	19.914.884.568	-	-	19.914.884.568	23,86%
CTy CP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	19.892.474.000	-	-	19.892.474.000	23,13%
Cty CP Du lịch Sài Gòn Quảng Bình	13.000.000.000	-	-	13.000.000.000	20,00%
Cty CP Ô tô Bắc Âu	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000	20,00%

Tên công ty	Đầu quý	Tăng	Giảm	Cuối quý	Tỷ lệ
- Đầu tư vào công ty liên doanh	**288.770.463.505**	-	-	**288.770.463.505**	
Cty TNHH Khách sạn Bến Thành - Norfolk	8.055.114.740	-	-	8.055.114.740	40,00%
Cty TNHH Liên doanh Khách sạn Plaza	77.578.473.760	-	-	77.578.473.760	35,00%
Cty TNHH Nhôm Định hình Sapa Bến Thành	53.849.879.500	-	-	53.849.879.500	35,00%
Cty Liên doanh Căn hộ & Văn phòng Sài Gòn	51.928.120.165	-	-	51.928.120.165	33,00%
Cty TNHH Khách sạn Bến Thành - RSC	53.677.860.000	-	-	53.677.860.000	32,00%
Cty LD Khách sạn Sài Gòn Riverside	43.681.015.340	-	-	43.681.015.340	28,00%
- Đầu tư vào đơn vị khác	**67.357.026.000**	-	-	**67.357.026.000**	
Công ty CP khách sạn Du lịch tháng Mười	3.176.916.000	-	-	3.176.916.000	8,52%
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Ninh chữ	3.464.800.000	-	-	3.464.800.000	3,96%
Cty CP Vàng bạc đá quý Bến Thành	60.715.310.000	-		60.715.310.000	18,30%
Cộng	**1.264.966.535.866**	-	-	**1.264.966.535.866**	

1.2. Chứng khoán kinh doanh.

Tên công ty	Đầu quý	Tăng	Giảm	Cuối quý
- Tổng giá trị cổ phiếu	**321.603.674.615**	-	-	**321.603.674.615**
CTCP Đầu tư kỹ thuật Xây dựng Sài Gòn	6.092.580.000	-	-	6.092.580.000
CTCP Du lịch Đắk Lắk	7.425.590.000	-	-	7.425.590.000
CTCP Sài Gòn Đà Lạt	24.615.384.615	-	-	24.615.384.615
Ngân hàng TMCP Phương Đông	283.470.120.000	-	-	283.470.120.000

Tình hình nộp ngân sách 3 tháng đầu năm 2021:

Đvt: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phát sinh phải nộp trong 3 tháng 2021	Số đã nộp trong 3 tháng 2021	Số còn phải nộp chuyển qua kỳ sau
A	B	1	2	3	4=(1+2-3)
I	**Thuế**	**(8.033.874.539)**	**(710.998.755)**	**2.524.472.197**	**(11.269.345.491)**
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	(6.711.814.370)	(1.214.005.304)	-	(7.925.819.674)
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp (*)	(1.426.473.575)		1.686.818.821	(3.113.292.396)
3	Thuế nhà đất, tiền thuê đất (**)	(122.017.662)	36.111.317	36.111.317	(122.017.662)
4	Các khoản thuế khác	*226.431.068*	466.895.232	801.542.059	(108.215.759)
	Thuế môn bài	-	*8.000.000*	*13.000.000*	*(5.000.000)*
	Thuế thu nhập cá nhân	*226.431.068*	*458.895.232*	*788.542.059*	*(103.215.759)*
	Các loại thuế khác	-			-
II	**Các khoản phải nộp khác**	**(10.480.124.204)**	**-**	**11.305.377.206**	**(21.785.501.410)**
1	Các khoản phụ thu				
2	Các khoản phí, lệ phí				
3	Các khoản khác (***)	(10.480.124.204)	-	11.305.377.206	(21.785.501.410)
	TỔNG CỘNG (I+II)	**(18.513.998.743)**	**(710.998.755)**	**13.829.849.403**	**(33.054.846.901)**

Ghi chú:

(*): Số dư cuối kỳ: **âm 3.113.292.396 đồng** gồm:

+ Tạm nộp ngân sách Nhà nước: 3.039.241.610 đồng;

* Tạm nộp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản khu D – Bình Trưng Đông: 1.689.241.610 đồng;

* Tạm nộp 1% từ hoạt động chuyển nhượng vốn góp liên quan tới dự án Cát Lái: 1.350.000.000 đồng.

+ Thuế TNDN nộp thừa: 74.050.786 đồng.

(**) Tiền thuê đất cuối kỳ **âm 122.017.662 đồng** gồm:

+ Số dư tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Bình Chiểu: 122.017.662 đồng (được cấn trừ từ tiền thuế đất phi nông nghiệp nộp dư);

(***) Các khoản khác **21.785.501.410 đồng:** Nộp về ngân sách thành phố của Dự án Cát Lái: 21.785.501.410 đồng;

2. Một số ảnh hưởng trên báo cáo kết quả kinh doanh:

Các khoản cổ tức,lợi nhuận nhận được chia:

Đvt: đồng

STT	Tên đơn vị	Quý 01/2021	
		Số tiền	Nội dung
1	Công ty CP SXKD hàng xuất khẩu Tân Bình	444.447.654	2020
2	Công ty CP Thương mại Hóc Môn	787.290.000	2020
3	Công ty CP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	2.387.016.000	2020
4	Công ty CP Ô tô Bắc Âu	2.400.000.000	2020
5	Công ty TNHH Nhôm định hình Sapa Bến Thành	35.000.000.000	2020
	Cộng	**41.018.753.654**	

TPHCM. ngày 10 tháng 05 năm 2021

Lập biểu/Kế toán trưởng

Ngô Hòa

Tổng Giám Đốc

M.S.D.N:0301151147-C.T.T.N.H.H
TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH -TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
QUẬN 1-TP. HỒ CHÍ MINH

Hoàng Tâm Hòa